

Bản án số: 24/2017/HNGT – ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Tâm.
2. Bà Bùi Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2017/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXX - ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Ánh N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đào Mạnh H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 19 tháng 7 năm 2017 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Vũ Thị Ánh N trình bày:

Chị và anh Đào Mạnh H tổ chức kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi cưới anh chị

được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường, được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 8 năm 2016 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đào Hoàng A, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Đào Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung như chị N trình bày là đúng. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Ly hôn anh đồng ý để chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đào Hoàng A, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014. Về tiền cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Anh H xác định không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Do điều kiện công việc, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ nội dung đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 8 năm 2017 bà Nguyễn Thị T là mẹ của chị N khai: Chị N và anh H kết hôn cuối năm 2013, khoảng hai năm đầu bà thấy quan hệ vợ chồng của anh chị bình thường, từ tháng 02 năm 2016 chị N với con trai là Đào Hoàng A về ở cùng vợ chồng bà tại thị trấn Y, huyện Y. Vài tháng đầu anh H có đến thăm, từ tháng 8 năm 2016 đến nay bà không thấy anh H đến chơi, thăm con nữa. Nay con gái bà làm đơn xin ly hôn, bà không mong muốn việc ly hôn xảy ra, bà đã nhiều lần góp ý với con gái và con rể nhưng con gái bà vẫn kiên quyết ly hôn. Do vậy, bà không có ý kiến gì, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 8 năm 2017 ông Đào Văn H1 là bố đẻ của anh H trình bày: Gia đình ông tổ chức cưới cho anh H và chị N vào tháng 11 năm 2013. Được khoảng 03 năm đầu bà thấy tình cảm vợ chồng của các con bình thường, đến giữa năm 2016 ông mới biết vợ chồng anh H, chị N xảy ra mâu thuẫn. Ông có họp gia đình và động viên các con về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái nhưng chị N, anh H không nghe. Nay chị N làm đơn xin ly hôn con trai ông, ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đào Mạnh H, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Vũ Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đào Mạnh H có địa chỉ tại Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 06

tháng 11 năm 2013 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị N và anh H đang cư trú và lời khai của ông Đào Văn H1 (bố đẻ của anh H) và bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ của chị N) đều thể hiện: Chị N và anh H hiện nay đang sống ly thân, anh H ở cùng bố mẹ tại xã L, huyện Y còn chị N cùng con trai sống với bố mẹ tại thị trấn Y, huyện Y. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh H chính quyền địa phương cùng ông H1, bà T đều không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị N làm đơn xin ly hôn anh H vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 8 năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc và liên lạc gì với nhau. Chị N làm đơn xin ly hôn và anh H đồng ý nhưng đề nghị giải quyết vắng mặt. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh H có một con chung là Đào Hoàng A, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014. Hiện con chung đang ở với chị N. Ly hôn chị N xin được tiếp tục nuôi, anh H đồng ý để cháu Anh cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy, cần giao cháu A cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận chị Vũ Thị Ánh N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung: Chị N và anh H không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Ánh N được ly hôn với anh Đào Mạnh H.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị Ánh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Hoàng A, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2014. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung: Chị N và anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001824 ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tâm Bùi Thị Kim Thanh

Nguyễn Thị Trang Nhung

